TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/DS-PT
Ngày: 05-01-2018
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lưu Ánh Nguyệt**

Các Thẩm phán: Ông **Lê Hữu Chiến**

Bà **Phạm Thị Hồng Vân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hồ Thị Bảo Ngọc** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Bà **Nguyễn Thị Thu Sinh** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 05 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 287/2017/TLPT-DS ngày 21-11-2017 về tranh chấp hợp đồng góp hụi.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 54/2017/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 281/2017/QĐPT-DS ngày 07 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị G**, sinh năm 1980 (Có mặt);

Địa chỉ: Tổ 1, ấp L, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Bà **Tống Thị X**, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của bà X: Anh **Nguyễn Lâm Q**, sinh năm 1980, địa chỉ cư trú tại ấp R, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 27-12-2017) (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Dương Văn S**, sinh năm 1962 (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

2. Bà **Tống Thị B**, sinh năm 1965 (Có mặt);

3. Bà **Tống Thị S**, sinh năm 1963 (Có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

4. Ông **Trần Huy C**, sinh năm 1971 (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

- Người kháng cáo: Bà Tống Thị X.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07 tháng 10 năm 2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Trần Thị G trình bày:

Bà X tham gia góp hụi do bà làm chủ hụi đối với hai dây hụi cụ thể như sau:

Dây hụi thứ nhất: Hụi 2.000.000 đồng, mở hụi ngày 15/7/2015, ngày mãn hụi 15/9/2017, hụi gồm 27 phần, mỗi tháng khui và góp hụi 01 lần. Trong đó bà X tham gia 06 phần đã hốt hết 06 phần. Còn nợ 13 lần hụi chết số tiền 156.000.000 đồng, cụ thể các lần hốt hụi gồm:

- Lần 1: Ngày 15/8/2015 bà X hốt do bà B ký tên nhận tiền thay.

- Lần 2: Ngày 15/9/2015 bà X hốt và ký tên nhận tiền của phần hụi ghi tên "chị 3 S".

- Lần 3: Ngày 15/10/2015 bà X hốt do bà B ký tên nhận tiền thay.

- Lần 4: Ngày 15/12/2015 bà X hốt và ký tên nhận tiền.

- Lần 5: Ngày 15/01/2016 bà X hốt và ký tên nhận tiền.

- Lần 6: Ngày 15/02/2016 bà X hốt do bà S ký tên nhận tiền thay.

Dây hụi thứ hai: Hụi 1.000.000 đồng, mở hụi ngày 10/3/2016, ngày mãn hụi 10/11/2017, hụi gồm 41 phần, mỗi tháng khui và góp hụi 02 lần. Trong đó bà X tham gia 08 phần đã hốt hết 08 phần. Còn nợ 28 lần hụi chết số tiền 224.000.000 đồng. Các lần hốt hụi đều do bà S nhận tiền thay cho bà X.

Nguyện vọng: Bà G yêu cầu bà X và ông S nghĩa vụ trả cho bà số tiền 354.000.000 đồng. Bà G xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với một phần hụi trong dây hụi 2.000.000 đồng, mở hụi ngày 15/7/2015 do bà S đứng tên trong giấy hụi.

Tại bản tự khai ngày 06/12/2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Tống Thị X trình bày:

Bà là hàng xóm với bà G, bà không có tham gia góp hụi do bà G làm chủ hụi như bà G trình bày.

Nguyện vọng: Bà không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của bà G.

Trong các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Tống Thị B trình bày:

Trong dây hụi thứ nhất bà không tham gia. Trong dây hụi thứ hai, bà tham gia ba phần, nhưng bà chỉ đứng tên 01 phần, còn 02 phần bà nhờ bà X đứng tên. Bà đã hốt hết 03 phần, nhưng bà không nhớ rỏ hốt được số tiền bao nhiêu, khi hốt hụi do bà là người ký tên hốt 03 phần hụi này và nhận tiền trực tiếp từ bà G. Bà đăng hụi chết lại cho bà G đầy đủ phần hụi do bà đứng tên. Đối với hai phần hụi bà nhờ bà X đứng tên thì bà không đăng hụi chết lại cho bà G từ tháng 10/2016. Do bà X bỏ đi không hỗ trợ tiền cho bà nên bà không có tiền góp hụi cho bà G. Bà B thừa nhận còn nợ tiền hụi chết của bà G 12 lần x 2.000.000đồng x 02 phần = 48.000.000 đồng.

Nguyện vọng: Bà B đồng ý trả cho bà G số tiền 48.000.000 đồng.

Trong các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Tống Thị S trình bày:

Dây hụi thứ I: Ngày 15/7/2015, bà tham gia một phần, bà đã hốt hụi nhưng không nhớ rỏ số tiền bao nhiêu, khi hốt hụi do bà là người ký tên hốt hụi và nhận tiền. Bà đăng hụi chết lại cho bà G đến tháng 10/2016. Bà còn nợ tiền hụi chết của bà G 12 lần x 2.000.000 đồng = 24.000.000 đồng.

Dây hụi thứ II: Ngày 10/3/2016, bà S tham gia và hốt hụi. Nhưng bà X tham vô hụi xong và ghi tên chị X trong giấy hụi xong rồi giao lại cho bà S tham gia. Đến tháng 10/2016 thì bà không đăng tiền hụi chết cho bà G. Bà S thừa nhận còn thiếu hụi chết của Gái là 216.000.000 đồng.

Do từ tháng 10/2016 bà X bỏ đi và không còn hổ trợ tiền nên bà không có tiền góp hụi chết cho bà G.

Nguyện vọng: Bà S đồng ý trả nợ cho bà G số tiền 216.000.000 đồng + 24.000.000 đồng = 240.000.000 đồng.

Trong các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn S trình bày:

Ông là chồng bà X, việc tham gia góp hụi của bà X ông hoàn toàn không biết, ông không có tham gia góp hụi với bà G. Ông không đồng ý cùng bà X trả nợ cho bà G.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/8/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Huy C trình bày:

Ông là chồng của bà G, bà G làm chủ hụi nhưng hụi viên không góp hụi chết. Vợ chồng ông phải dùng tài sản của vợ chồng để thế chấp vay ngân hàng trả nợ cho các hụi viên còn lại. Nguyện vọng ông C yêu cầu vợ chồng bà X, ông S trả nợ tiền hụi cho bà vợ chồng ông theo yêu cầu của bà G.

Tại bản án sơ thẩm số 54/2017/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 161, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 479 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án; Điều 27 Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng góp hụi của bà Trần Thị G, ông Trần Huy C đối với bà Tống Thị X và ông Dương Văn S.

Buộc bà Tống Thị X và ông Dương Văn S có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị G, ông Trần Huy C số tiền 286.800.000 (hai trăm tám mươi sáu triệu tám trăm nghìn) đồng.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị G, ông Trần Huy C yêu cầu bà Tống Thị X và ông Dương Văn S trả thêm số tiền hụi 67.200.000 đồng.

3. Tiếp tục thực hiện Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2016/QĐ-BPKCTT ngày 16/11/2016 của Tòa án nhân dân huyện T.

4. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với một phần hụi trong dây hụi 2.000.000 đồng, mở hụi ngày 15/7/2015 do bà S đứng tên trong giấy hụi.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác, lãi suất chậm thi hành án, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/10/2017, bà Tống Thị X kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị G, đồng thời xem xét lại thủ tục tố tụng trong việc thụ lý giải quyết vụ án

của Tòa án cấp sơ thẩm.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Tống Thị X, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Huy C và ông Dương Văn S có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 296 của BLTTDS năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Huy C và ông Dương Văn S.

[2] Xét kháng cáo của bà Tống Thị X thì thấy rằng:

Bà X cho rằng bà không tham gia góp hụi của bà G đối với dây hụi 1.000.000đồng/02lần/tháng mở ngày 10/3/2016 và dây hụi 2.000.000đồng/tháng mở ngày 15/7/2015. Tuy nhiên, tại các biên bản lấy lời khai người làm chứng là các hụi viên tham gia 02 dây hụi nêu trên là ông C1, bà H, bà B, bà H, bà N, bà T, bà M đều xác nhận bà X có tham gia hụi, thỉnh thoảng có tham gia bốc thăm hụi vài lần.

Đối chiếu với sổ hụi do bà G cung cấp thể hiện:

- Đối với dây hụi 2.000.000 đồng/tháng mở ngày 15/7/2015, gồm 27 phần, bà X tham gia 05 phần, ghi tên "chị 2 X", đã hốt hụi 05 phần, trong đó lần thứ 1, 2 do bà B ký tên nhận tiền, lần thứ 3,4 do bà X ký tên nhận tiền, lần thứ 5 do bà S ký tên nhận tiền.

- Đối với dây hụi 1.000.000 đồng/02 lần/tháng mở ngày 10/3/2016 gồm 41 phần, bà X tham gia 08 phần, ghi tên "chị 2 X", đã hốt hụi 08 phần, tất cả những lần hốt hụi đều do bà S ký tên nhận tiền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà B, bà S thừa nhận do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên có nhờ bà X tham gia góp hụi giùm, khi hốt hụi thì bà B, bà S nhận tiền của bà G. Như vậy, có cơ sở xác định người trực tiếp tham gia góp hụi của bà G là bà X.

Đối với số tiền hụi chết chưa thanh toán, bà G, bà B, bà S đều trình bày ngưng góp hụi cho bà G vào tháng 9/2016, bà G tuyên bố bể hụi vào tháng 9/2016 nên số tiền nợ hụi được tính cụ thể như sau:

- Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng mở ngày 15/7/2015: 05 phần x 13 lần x 2.000.000 đồng = 130.000.000 đồng.

- Dây hụi 1.000.000 đồng/02 lần/tháng mở ngày 10/3/2016: 08 phần x 28 lần x 700.000 đồng = 156.800.000 đồng.

Tổng cộng tiền hụi là 286.800.000 đồng.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị G, buộc bà Tống Thị X và ông Dương Văn S có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị G, ông Trần Huy C số tiền nợ hụi là 286.800.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Tống Thị X giữ nguyên yêu cầu kháng cáo nhưng bà X không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu của bà nên không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo của bà X không được chấp nhận nên bà X phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng theo khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 479 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án; Điều 27 Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Tống Thị X.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng góp hụi của bà Trần Thị G, ông Trần Huy C đối với bà Tống Thị X và ông Dương Văn S.

Buộc bà Tống Thị X và ông Dương Văn S có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị G, ông Trần Huy C số tiền 286.800.000 (hai trăm tám mươi sáu triệu tám trăm nghìn) đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị G, ông Trần Huy C yêu cầu bà Tống Thị X và ông Dương Văn S trả thêm số tiền hụi 67.200.000 đồng.

Tiếp tục thực hiện Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2016/QĐ-BPKCTT ngày 16/11/2016 của Tòa án nhân dân huyện T.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị G đối với số tiền một phần hụi trong dây hụi 2.000.000 đồng, mở hụi ngày 15/7/2015 do bà S đứng tên trong giấy hụi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về chi phí giám định: Bà Trần Thị G phải chịu tiền chi phí giám định là 1.000.000 đồng (một triệu sáu trăm nghìn đồng). Ghi nhận bà G nhận chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 1.550.000 đồng (một triệu năm trăm năm chục nghìn đồng). Bà G đã nộp xong.

3. Về án phí:

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Tống Thị X và ông Dương Văn S phải chịu 14.340.000 (mười bốn triệu ba trăm bốn mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị G, ông Trần Huy C phải chịu 3.360.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà G đã nộp 9.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008051 ngày 13/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T; bà G được hoàn trả số tiền chênh lệch là 6.140.000 (sáu triệu một trăm bốn mươi nghìn) đồng.

3.2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Tống Thị X phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà X đã nộp theo biên lai thu số 0009170 ngày 05/10/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TANDCC;*
- *VKSND tỉnh Tây Ninh;*
- *TAND huyện;*
- *CCTHADS huyện;*
- *Các đương sự;*
- *Phòng KTNV;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu tập án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Ánh Nguyệt